

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 102/2026/DS - ST
Ngày 28-4-2026
V/v tranh chấp hợp đồng dân sự
vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3 - ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Văn Nghĩa

Bà Đặng Thuý Thuý Nga

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Liễu Hạnh là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp.

Ngày 28 tháng 4 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 176/2026/TLST-DS ngày 23 tháng 02 năm 2026 về tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 190/2026/QĐXX-ST ngày 09 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Hà Tiến L, sinh năm 2000 (Có mặt).

Trú tại: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là Khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

- Bị đơn: Chị Ngô Kim T, sinh năm 1970 (Có mặt).

Trú tại: Ấp D, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là Khu phố D, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1970 (Có mặt).

Trú tại: Ấp B, xã T, tỉnh Đồng Tháp (Trước đây là Khu phố B, thị trấn M, huyện T, tỉnh Tiền Giang).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 09 tháng 02 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Hà Tiến L trình bày:

Anh Hà Tiến L và chị Ngô Kim T quen biết nhau trong khi giao dịch mua bán đất (Anh L mua đất, chị T bán đất). Ngày 11/8/2025, anh L cho chị T vay số tiền 75.000.000 đồng, thời hạn vay là 01 tháng, lãi suất thỏa thuận là 1,5%/tháng. Chị T có viết cho anh L biên nhận nợ. Đến hạn trả nợ là ngày 11/9/2025, chị T không trả gốc, lãi như thỏa thuận. Anh Hà Tiến L khởi kiện chị Ngô Kim T yêu cầu chị T trả cho anh L số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng, không yêu cầu tính lãi, yêu cầu trả một lần, trong thời gian 03 tháng khi án có hiệu lực pháp luật. Anh L xác định: Số tiền 75.000.000 đồng chị T nợ của anh L không liên quan đến việc vay mượn nợ giữa chị T và chị Nguyễn Thị H; Chị T cũng không có viết cho anh L biên nhận nợ số tiền 45.000.000 đồng như chị T trình bày. Ngoài biên nhận nhận số tiền 75.000.000 đồng, chị T không có viết cho anh L biên nhận nhận nợ nào khác và chị T cũng không có nợ của anh khoản nợ nào khác. Anh L không đồng ý cho chị T trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 03 tháng 4 năm 2026 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị Ngô Kim T trình bày:

Chị T vay tiền của mẹ anh L, tên thường gọi là chị G. Chị T và chị G là người cùng xóm. Khoảng đầu tháng 01/2024 AL, chị T vay tiền của chị G là 02 khoản, bao gồm: Khoản vay số tiền 10.000.000 đồng, không thỏa thuận thời hạn trả, lãi suất là 15%/tháng, mỗi tháng chị T phải trả số tiền lãi là 1.500.000 đồng, hai bên không có làm biên nhận nợ. Chị T chỉ trả được một phần tiền lãi nhưng không nhớ là bao nhiêu, không có trả tiền nợ gốc; Khoản vay thứ hai số tiền 20.000.000 đồng, hình thức trả góp hàng ngày, mỗi ngày 400.000 đồng, chị T có trả góp gốc và lãi nhưng cũng không nhớ đã trả được số tiền là bao nhiêu, hai bên không có làm biên nhận nhận nợ. Đến ngày 27/12/2024 AL, giữa 02 bên tổng kết nợ thì anh L là con của chị G yêu cầu chị T viết biên nhận nợ cho anh L tổng số tiền là 45.000.000 đồng, bao gồm số tiền nợ gốc 02 khoản (Là 10.000.000 đồng và 20.000.000 đồng) và số tiền lãi 15.000.000 đồng (Gồm tiền lãi của số tiền 10.000.000 đồng và tiền chị mua khóm nợ của chị G). Sau khi tổng kết số nợ là 45.000.000 đồng, mỗi tháng chị T sẽ trả tiền lãi cho anh L số tiền là 5.000.000 đồng. Tuy nhiên chị T không có khả năng trả gốc và lãi nên đến tháng 6/2025 AL chị T đã viết giấy nhận nợ cho anh L số tiền 75.000.000 đồng. Chị T không có lấy lại biên nhận nhận số nợ 45.000.000 đồng.

Đối với yêu cầu khởi kiện của anh L, chị T đồng ý trả số tiền 75.000.000 đồng cho anh L. Tuy nhiên, hiện chị T còn nợ nhiều người nên chị T xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu trả vào tháng 5 năm 2026 cho đến khi hết số nợ trên.

Theo người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị H là mẹ của anh Hà Tiến L, có tên thường gọi ở nhà là chị G. Chị H không có tham gia vào quan hệ vay mượn giữa anh L và chị Ngô Kim T như chị T trình bày. Chị T có mua khóm của chị, tuy nhiên sau khi mua từ 2 - 3 ngày thì thanh toán hết số nợ mua khóm đối với chị. Chị T không có làm biên nhận nợ nào đối với chị H và chị T cũng không có vay mượn của chị số tiền nào.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Quan hệ tranh chấp giữa nguyên đơn anh Hà Tiến L và bị đơn chị Ngô Kim T là tranh chấp hợp đồng dân sự vay tài sản thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 3 - Đồng Tháp theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào giấy mượn tiền đề ngày 11/8/2025, lời trình bày của các đương sự, xác định: Chị Ngô Kim T có vay của anh Hà Tiến L số tiền là 75.000.000 đồng, không thể hiện thời hạn trả nợ, không thể hiện lãi suất. Theo anh L trình bày thời hạn vay là 01 tháng. Chị T trình bày: Ngày 28/11/2025, anh L đòi lại số tiền 75.000.000 đồng nhưng chị không có khả năng trả một lần và có xin anh L trả trước số tiền 5.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ trả dần nhưng không được anh L đồng ý. Tại phiên tòa, anh L yêu cầu chị T trả số tiền 75.000.000 đồng làm 01 lần, trong thời gian 03 tháng. Chị T xin trả dần số tiền 75.000.000 đồng, mỗi tháng là 2.000.000 đồng, bắt đầu trả vào tháng 5 năm 2026. Xét thấy, chị T chưa trả số tiền 75.000.000 đồng cho anh L là vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015. Do đó, anh Hà Tiến L khởi kiện yêu cầu chị Ngô Kim T trả số tiền 75.000.000 đồng là có căn cứ chấp nhận. Về phương thức trả tiền, các đương sự có quyền tự thỏa thuận với nhau tại giai đoạn thi hành án. Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Hà Tiến L, buộc chị Ngô Kim T trả cho anh Hà Tiến L số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng. Ghi nhận anh Hà Tiến L đồng ý cho chị Ngô Kim T trả số tiền 75.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

[3] Về án phí: Đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, các Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 sửa đổi, bổ sung năm 2025.

Căn cứ vào các Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Hà Tiến L.

1. Buộc bị đơn chị Ngô Kim T trả cho anh Hà Tiến L số tiền nợ gốc là 75.000.000 đồng.

Ghi nhận anh Hà Tiến L đồng ý cho chị Ngô Kim T trả số tiền 75.000.000 đồng trong thời gian 03 tháng kể từ khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

2. Về án phí: Chị Ngô Kim T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 3.750.000 đồng.

Hoàn lại anh Hà Tiến L số tiền tạm ứng án phí là 2.031.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002631 ngày 12/02/2026 của Thi hành án Dân sự tỉnh Đồng Tháp.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Phạm Kim Hằng